



BỒ ĐỀ HẢI

Vạn Phật Thánh Thành

No. 52, Spring 2001

2001 Talmage Rd., Talmage, CA 95481- 0217

Gió nghiệp đưa người

khó tự do

Huyền duyên vẫn khởi

mối buồn lo!

Nạn tai ma bệnh

thay đời lớp

Gần chót thương mình

chẳng sớm tu

Lan Đài

(Mấy Diệu Sen Xanh)

Đọc trong số này

- Khai Thi:
Nhất Niệm Vô Minh Tức Đọa Luân Hồi
- Lời Cảnh Tỉnh
Ngộ Rằng Trời Đất Bao La
- Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh
- Lục Tổ Pháp Bảo Đàn Kinh
- Thông Báo
- HT Hư Vân Họa Truyện
#25. *Sống Đời Tịch Tĩnh*
Chốn Thâm Sơn.

Phát Hành

Dharma Realm Buddhist Association
The City of Ten Thousand Buddhas
(Vạn Phật Thánh Thành)
P. O. Box 217
Talmage, CA 95481-0217
Tel. (707) 462 - 0939
Fax. (707) 462 - 0949
bodehai@hotmail.com
www.saigon.com/~fopusa

Nhất Niệm Vô Minh Tức Đọa Luân Hồi

**With a Single Thought of Ignorance,
One Falls into the Cycle of Rebirth**

Ven. Master Hsuan Hua

Người trên thế gian đều ở trong cảnh sống mê chết mộng, không có lúc nào tỉnh ngộ để tìm ra lối thoát khỏi luân hồi. Từ thời vô thủy đến nay, chúng sanh bị vô minh đưa đẩy, đi trong sáu nẻo luân hồi, sống rồi chết, chết rồi sống, quẩn quanh lên xuống không có hạn kỳ.

Cuộc đời như một vở tuồng. Trong tuồng, khi thì đóng vai vua, vui thú với vinh hoa, phú quý; khi thì đóng vai ăn mày, chịu đủ thú khổ nạn. Khi làm hoàng đế thì không biết cái lúc khổ làm thân ăn mày; làm ăn mày không biết cái vui khi làm vua. Những cảnh bi hoan ly hợp thoáng qua như trong nháy mắt, chẳng khác gì một giấc mơ xuân.

People in the world all live a befuddled life. They never have a lucid moment. They don't try to break away from the suffering of the cycle of rebirth. Since time without beginning, they've been dragged by their ignorance into the six paths of rebirth, where they undergo birth, death, and rebirth, revolving on the wheel that never stops turning.

Life is like a play. In this play, they might play the role of a king who enjoys honor and wealth. In another play, they might play the part of a beggar who suffers great hardship. When they are playing a king,

Nghiệp chướng của mình, tăng nhiều hay ít? Không hay biết. Đức hạnh của mình gieo trồng được bao nhiêu? Không hay biết. Không hay biết tức là vô minh, vô minh là gốc rễ của sanh tử. Nếu không vô minh thì đâu có còn bị khổ trong cảnh luân hồi. Mục đích của chúng ta tu đạo là phá vô minh, chuyển thức thành trí, chuyển thức a-lại-da thành trí Đại Viên Kính.

Người có vô minh của người, thú vật có vô minh của thú vật, cho đến quỷ đói, chúng sanh địa ngục, mỗi loài đều có vô minh riêng. Trong chỗ vô minh, các chúng sanh tìm lối ra (ra khỏi tam giới), nhưng càng tìm càng hồ đồ, tìm không ra lối, vẫn chịu khổ sở trong luân hồi. Tại sao? Bởi vì vọng tâm tác quái, và không biết dùng chân tâm (trí huệ) để kiếm lối ra.

Vô minh tức không có trí huệ. Người không có trí huệ thì bất luận làm việc gì cũng làm trong sự điên đảo, lấy trái cho là phải và ngược lại. Biết rõ điều sai quấy mà vẫn làm, ấy chỉ vì vô minh che lấp khiến ta phải lầm đường. “Chọn đường gai góc mà đi,” thì vĩnh viễn không kiếm ra đường chánh.

Kẻ học Phật pháp, cần phải phá vô minh này, cho pháp tánh hiển lộ. Bởi có vô minh, nên vui vẻ mà làm chuyện hồ đồ. Có các loại tà tri tà kiến này nên tâm tự tử, ích kỷ mỗi nổi lên tác quái, mất hết cả sự công bằng và vô tư. Từ đó, mỗi kiếp sanh ra là mỗi lần đi xuống, cho đến tận cùng là kiếp súc sanh, hoặc làm thân con kiến, hoặc làm thân con muỗi, lúc đó chỉ còn chút xiu tri giác mà thôi. Vậy mà vẫn tham, tham

they don't know the misery of being a beggar. As a beggar, they don't realize the pleasure of being a king. In the twinkling of an eye, the sorrows and joys of partings and reunions which seemed so real become no more than a spring dream.

How much have our karmic hindrances increased? We don't know. How much virtue have we fostered? We don't know. That no knowing is ignorance. Ignorance is the root of birth and death. If we didn't have ignorance, we wouldn't suffer in the six paths of rebirth. The purpose of cultivating is to destroy ignorance and to turn consciousness into wisdom. We want to turn the *alaya*-consciousness into the Great Perfect Mirror wisdom.

Humans have human ignorance, and animals have the ignorance of animals. Hungry ghosts and hell-beings have their own ignorance as well. Living beings are trying to find a way out of ignorance (out of the Three Realms), but the more they search the more muddled they get. They can't find an escape route. They are trapped in the cycle of rebirth. Why? Because their false mind is causing mischief, and they don't use their true mind (wisdom) to find the way out.

Ignorance is simply the lack of wisdom. When people have no wisdom, everything they do is upside-down. They take what's true to be false, what's right to be wrong. They clearly know that something is wrong, yet they insist on doing it. They always take the wrong road because they are covered up by ignorance.

Bồ Đề Hải (ISSN 1530 – 9924) is published quarterly by Dharma Realm Buddhist Association, 2001 Talmage Rd., Talmage, CA 95481-0217. Periodicals Postage Paid at Talmage, CA, and at additional mailing offices. POSTMASTER: Send address changes to Bồ Đề Hải, P.O. Box 217, Talmage, CA 95481-0217.

không biết chán, vẫn hành động trong hồ đồ. Quý vị coi! Các loại động vật đều có tánh cả. Các chúng sanh vốn sẵn có Phật tánh, nhưng không hoàn toàn, ấy bởi lý do “tánh hóa linh tàn,” cho nên chúng ngu si, thường xuyên sống trong vô minh.

Con người tuy gọi là vạn vật chi linh, có trí huệ, nhưng lại tạo ra nghiệp ác, cũng vì lý do vô minh che khuất trí huệ, nên mới lấy vọng tâm mà hành động. Có câu kệ tụng nói về tác dụng của cái ‘tâm’ (心), nay tôi lược giải ra như sau:

*Tam điểm như tinh bố
Loan câu tự nguyệt nha
Phi mao tòng thủ khởi
Tác Phật dã do tha*

Dịch nghĩa:

*Ba chấm như sao bầy
Móc cong như trăng mới
Mang lông từ đây ra
Thành Phật cũng từ đây.*

Tam điểm như tinh bố: Trên đầu của chũ “tâm” là ba chấm, giống như mấy ngôi sao ở trên trời bầy thành một hàng.

Loan câu tự nguyệt nha: Ở dưới chũ “tâm” là một cái móc cong, giống như vầng trăng mới vào các ngày mồng ba hay mồng bốn âm lịch, nằm cong cong trên bầu trời.

Phi mao tòng thủ khởi: Phi mao, dai giác, là mang lông đội sừng, chỉ các loài súc sanh. Tất cả đều do ảnh hưởng tâm lý mà tạo thành. Làm thân chó, thì có quả báo của loài chó, làm thân mèo có quả báo của mèo, cho đến thân ngựa, trâu, dê, rồi gà, vịt, ngỗng cũng như vậy.

Tác Phật dã do tha: Thành Phật, làm Tổ sư, cũng do tâm mà nên, cho nên nói “nhất thiết do

Having gone astray, they never find the right path.

Those who study Buddhism have to destroy ignorance and unveil the Dharma-nature. Due to their ignorance, they like to do stupid things. With deviant knowledge and views, their selfishness acts up and they are not public-spirited. Thus they fall lower and lower in every life, until they fall into the animal realm, where they become creatures with very little consciousness, such as ants or mosquitoes. Yet they are still as insatiably greedy as ever, and do all kinds of stupid things. Take a look! All the animals have their own natures. Basically all living beings have the Buddha-nature, but not in completion. Since their natures have been split up and their spirits have scattered, they are stupid and cling tightly to their ignorance.

Even though people are the most efficacious of all creatures and are possessed of wisdom, all they do is commit bad karma. Why? Because their ignorance is in control, obscuring the light of their wisdom. Thus they use their false mind in doing things. There’s a verse which goes:

*Three dots like a cluster of stars,
A hook like the crescent moon:
Furred creatures come from it;
The Buddhas come from it too.*

The verse describes the mind. What follows is a brief explanation:

Three dots like a cluster of stars. The three

tâm tạo.” Chịu khổ ở địa ngục, hưởng phúc ở thiên đàng, tất cả đều từ cái niệm trong tâm mà tạo ra cả.

Nếu khởi lên một niệm thiện, thần cát tường sẽ hộ trì ta. Khởi lên niệm ác tức thì hung thần ác quỷ cũng sẽ bám sát ta. Người xưa nói: “Một lần lỡ bước hận thiên thu,” cũng như nói: “Một niệm sai là thiên cổ hận.” Thiện hay ác chỉ cách nhau một niệm. Nghĩ thiện thì đi lên, nghĩ ác sẽ đi xuống. Tâm người như hạt bụi, bay lơ lửng trong không, bỗng chốc lên thiên đường, bỗng chốc xuống địa ngục, bỗng chốc là thú vật, bỗng chốc là quỷ đói, chẳng bao giờ ngừng tạo nghiệp rồi chịu quả, chịu quả rồi tạo nghiệp, cứ vậy mà tuần hoàn luân chuyển.

Tôi khi nào thì hiểu được “biển khổ vô bờ, quay đầu là bến”? Biết được biển nghiệp là mênh mông, không bờ không bến, mau quay đầu lại thì đến được bến bờ. Học Phật pháp là học điều này, ngoài ra chẳng có điều gì huyền diệu cả. Nói giản dị hơn, phá bỏ các tập khí, phá bỏ tâm tự tử, tự lợi, sống không tranh, không tham, không cầu, tức là nắm được yếu nghĩa của Phật pháp.

Ngày ngày nghe pháp, phải hiểu yếu nghĩa của pháp. Đâu là chỗ khẩn yếu nhất của pháp? Chính là các điểm không tranh, không tham, không cầu, không tự tử, không tự lợi, không nói dối. Sáu tiêu chuẩn này chính là mục thước dẫn dắt chúng ta hàng ngày trong mọi hành động. Nếu có gì không đúng với tiêu chuẩn chúng ta biết ngay để sửa đổi. Sửa làm sao để không còn sai nữa thì toàn là công đức, lúc đó mới đúng là tin đồ Phật giáo. Đây cũng là sáu tôn chỉ của Vạn Phật Thánh Thành, hy vọng mọi người chúng ta đều tuân theo, mọi người đều giác ngộ, mọi người đều thành Phật.

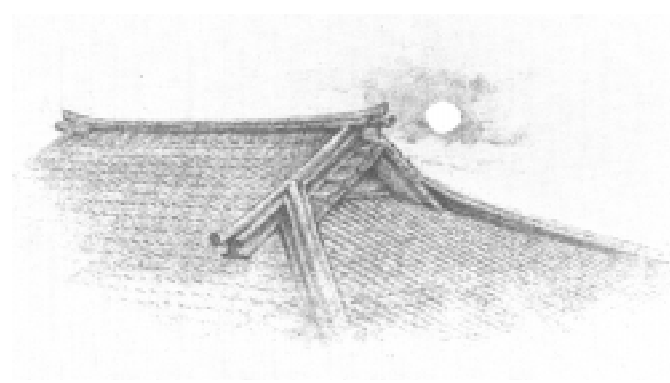
dots on the upper part of the Chinese character for “mind” resemble stars lined up in the sky.

A hook like the crescent moon. The curved hook on the bottom part of the character looks like the new, crescent-shaped moon on the third or fourth night of the lunar month.

Furred creatures come from it. Animals with fur and horns are created from the mind. If you act like a dog, you will receive the retribution of becoming a dog. If you do what cats do, you’ll have the retribution of being a cat. The same goes for horses, oxen, sheep, chickens, ducks, and geese.

The Buddhas come from it too. When one becomes a Buddha or a Patriarch, it’s also because of the mind. As it’s said, “Everything’s made from the mind.” Whether you suffer in the hells or enjoy heavenly bliss, it all comes from a single thought of your mind.

If you have a good thought, auspicious spirits come to protect you. If you give rise to a bad thought, evil spirits follow you. The ancients said, “Once you trip and fall, you’ll regret it for a thousand ages.” You could also say, “If you err in a single thought, you’ll regret it for a thousand ages.” The difference between good and evil lies in a single thought. Good thoughts take you upwards, while bad thoughts send you down. The mind is like a mote of dust floating in the air. It is suddenly in the heavens, suddenly in the hells, suddenly in the animal realm, suddenly among hungry ghosts, constantly creating karma and



Lời Cảnh Tỉnh

Ni Sư Chứng Nghiêm

9. NGỘ RẰNG TRỜI ĐẤT BAO LA

Hiểu biết hạnh phúc và tài phú

- Hạnh phúc trong đời không có gì làm tiêu chuẩn. Ai được người quan tâm, được người yêu mến, lại biết quan tâm kẻ khác, yêu mến kẻ khác: y là người hạnh phúc vô cùng.
- Trong thế gian này còn nhiều người bi thảm hơn mình nữa. Nếu mình có thể phục vụ kẻ khác thay vì được người ta phục vụ mình thì đó thật là hạnh phúc.
- Càng tha thứ cho người ta thì mình càng có phước. Mở rộng tâm lượng thì phước mới lớn được.
- Tội và phước trong đời là người mình tự tạo ra cả. Đáng sợ nhất là người mà đáng yêu nhất cũng là người.
- Có lòng thì có phước. Có nguyện thì có sức mạnh.
- Tự mình tạo ruộng phước, tự mình hưởng duyên phước.
- Chịu khổ thì khổ hết. Khổ hết thì ngọt ngào lại. Hưởng phước thì hết phước. Phước hết thì bi ai tới.
- Cầu phước cầu thọ không bằng cầu bình an. Bình an tức là thêm phước tăng thọ rồi vậy.
- Mình thường nghe nói hai chữ bố thí (xả đắc). Bố thí thì có phước hơn là thọ nhận. Sự sung sướng chân chính là cõi lòng thanh tịnh, yên ổn và an vui sau khi mình bố thí.
- Người hết sức bình thường mới là người hết sức giàu có.
- Vật chất trên đời chỉ là thứ trào lưu (như nước thủy triều, tới rồi đi không ngừng). Vào thời hòa bình thì vàng bạc châu báu là của quý. Đến lúc chiến tranh loạn lạc thì gạo cơm áo quần mới là của quý. Giá trị của vật chất thật hoàn toàn do lòng người chuyển theo (quan niệm về) trào lưu và lòng tôn sùng hư vinh mà ra.

- Tiền tài là vật ngoài thân. Nếu đã là vật ngoài thân, hẳn nhiên sẽ có lúc nó sẽ mất. Do vậy, khi có tiền, bạn chớ đắc ý. Khi không tiền, cũng chớ bi ai.
- Suy nghĩ thấu triệt một chút về đời người: chẳng có chuyện gì, vật gì vĩnh viễn là bạn của mình. Dù cho người mình có thương yêu cách mấy, dù cho tiền tài mình có nhiều bao nhiêu, rốt cuộc có lúc chúng sẽ rời mình. Thế thì còn gì nữa mình chưa chịu buông xả?
- Chẳng phải có tiền là sung sướng đâu! Nếu tự hỏi lòng, chẳng gì hổ thẹn thì lòng an ổn nhất. Có thể phục vụ, đem sức giúp người, cứu người thì mới thật là tối khoái lạc.
- Phàm phu truy cầu tài vật, thánh nhân theo đuổi chân lý.
- Mọi thứ vật chất đẹp đẽ trên đời bất quá chỉ làm thoả mãn lòng phàm phu tham cầu hư vinh nhất thời mà thôi.
- Người không bị sự nghèo hèn làm họ cảm thấy bị thất bại, đầy đọa và kẻ không bị sự giàu sang khiến cho trở nên kiêu ngạo xa xỉ hay hà tiện: Cả hai loại người ấy mới là kẻ thành công.
- Từ trong vòng dục vọng, tham muốn vật chất vùng vẫy thoát ra: nếu ít dục, hết tham thì tự nhiên bạn sẽ thấy trời rộng đất bằng, sung sướng vô hạn.

With a Single Thought of...

undergoing the retribution, undergoing retribution and creating karma in an endless cycle.

When will one realize that “the sea of suffering is boundless, a turn of the head is the other shore? When you realize that the vast sea of karma has no boundaries, quickly turn around and you’ll reach the shore. This is what the study of Buddhadharma is all about. There’s no other clever or ingenious way. To put it simply, it’s just about getting rid of habits and faults, and purging selfishness and self-benefit from our mind. If we can also refrain from contending, being greedy, and seeking, then we’ve grasped the essence of Buddhadharma.

We listen to the Dharma everyday, but we have to understand the essentials of the Dharma. What’s the key point of the Dharma? It’s to refrain from contending, being greedy, seeking, being selfish, pursuing personal advantage, and lying. We should use these six guidelines as a standard to evaluate our daily conduct. If we don’t meet the standard, we should correct ourselves right away. When we have eliminated all our faults, and have only merit and virtue, we can be considered Buddhists. These are the six great principles of the City of Ten Thousand Buddhas. I hope everyone can follow them. I wish everyone can become enlightened and attain Buddhahood.

Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh

*Hán dịch: Đường, Tây Thiên Trúc, Sa Môn Già Phạm Đạt Ma
Thiền giảng: Vạn Phật Thánh Thành, Hòa Thượng Tuyên Hóa.*

KINH

**NHƯ THỊ NGÃ VẤN: NHẤT THỜI, THÍCH
CA MÂU NI PHẬT TẠI PHỔ ĐÀ LẠC GIÀ SƠN.
QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT CUNG ĐIỆN, BẢO
TRANG NGHIÊM ĐẠO TRÀNG TRUNG, TỌA
BẢO SƯ TỬ TÒA. KỶ TÒA THUẬN DĨ VÔ
LƯỢNG TẠP MA NI, BẢO NHI DỤNG TRANG
NGHIÊM, BÁCH BẢO TRÀNG PHAN CHÂU
TRÁP HUYỀN.**

NGHĨA

**Tôi nghe như vậy: Một thuở nọ, Đức
Phật Thích Ca Mâu Ni ngồi trên bảo tòa
Sư tử trong đạo tràng Bảo Trang Nghiêm,
là cung điện của Ngài Quán Thế Âm Bồ
Tát thị hiện ở núi Phổ Đà Lạc Già. Chỗ ấy
toàn dùng vô số ngọc báu ma ni để trang
nghiêm, treo xung quanh là tràng phan làm
bằng trăm thứ quý báu khác.**

LƯỢC GIẢNG:

“Như thị ngã vấn”:

‘Như thị’ là tin thành tự

‘Ngã vấn’ là vấn thành tự

“Như thị” có nghĩa: Đúng là như vậy,

hoàn toàn đáng tin cậy. ‘Như’ có nghĩa là
bất biến, không thể nào khác được. ‘Thị’
là như vậy, hoàn toàn là chính xác. ‘Như
thị’ nghĩa là hoàn toàn như thật, hoàn toàn
đích xác, không gì thay đổi được. Mọi Kinh
Phật đều mở đầu bằng bốn chữ “Như thị
ngã vấn”. Vì sao có nguồn gốc bốn chữ
này? Bốn chữ này là do A Nan tiếp chỉ từ
Đức Thích Ca Mâu Ni Phật lúc sắp nhập
Niết bàn đã Di giáo lại.

Lúc Phật Thích Ca sắp nhập Niết bàn,
tuy A Nan đã chứng đến nhị quả nhưng vẫn
còn sự cảm động lưu luyến không dứt. Biết
vậy, A Nan cầu thỉnh Phật phải trụ thế,
chưa có thể viên tịch, nhưng vẫn không
được. Cầu thỉnh không được thì làm sao?
Ông ta khóc, khóc oà lên đầm đìa nước
mắt, mọi cái đều quên hết. Vì sao vậy?
Vì ông ta rất ái mộ Phật.

Quý vị xem trong ‘Kinh Lăng Nghiêm’,
A Nan vì sao xuất gia? Là vì thấy Phật
‘tướng hảo quang minh, có đủ ba mươi hai
tướng tốt, và tám mươi vẻ đẹp’ Ông ta liền
sanh ái kiến và tự nhủ lòng: ‘Ồ, tướng hảo
Đức Phật tốt như thế, tôi nguyện ở mọi

lúc mọi nơi theo làm thị giả hầu cận Đức Phật, dẫu có khó nhọc bao nhiêu tôi cũng nguyện theo'. Sơ tâm xuất gia vì lòng ái mộ như thế, nên lúc Đức Thích Ca sắp nhập Niết bàn, ông ta vẫn còn mang ái kiến, không muốn thấy có điều đó, nên liền khóc than cầu khẩn.

Như quý vị biết A Na Luật Tôn giả là một vị đệ tử bị mù, tuy bị mù nhưng trong tâm rất sáng tỏ. Lúc đó, A Na Luật vẫn biết Đức Phật Thích Ca sắp nhập Niết bàn, mà cứ thấy A Nan mãi khóc lóc không ngớt như thế, nên ông ta đến bên cạnh A Nan nói rằng:

Này A Nan! Ông khóc gì vậy?

A Nan nói: Đức Phật Thích Ca sắp nhập Niết bàn, làm sao thầy bảo tôi không khóc! Không có cách nào mà không khóc cả?

A Na Luật nói: Ô! Bây giờ thầy đang có nhiều việc trọng yếu phải làm mà! Thầy khóc có ích lợi gì cơ?

A Na Luật nói vậy, A Nan cũng tỉnh ra một chút và ngớt khóc.

A Nan nói: À, có việc quan trọng, việc quan trọng gì?

A Na Luật liền nói: Đức Phật sắp nhập diệt, chúng ta phải thỉnh vấn, là sau này kết tập Kinh Tạng, thì tất cả những điều Đức Phật tuyên thuyết sau này, sẽ kết tập thành Kinh điển thì phải mở đầu Kinh điển như thế nào?

A Nan đáp: Việc này quan trọng đấy, đó là việc phải làm, còn việc gì nữa không?

Tôn Giả A Na Luật nói: Lúc Đức Phật còn tại thế chúng ta được theo Phật mà an trú, sau này Đức Phật nhập Niết bàn rồi chúng ta phải ở trú xứ nào?

A Nan ngừng một lát rồi bảo: Ô! Giờ tôi

như lẩn thẩn, nếu thầy không bảo tôi có lẽ tôi không nghĩ ra. Việc này cũng khá trọng yếu đấy! Còn việc gì nữa không?

A Na Luật lại bảo rằng: Lúc Phật còn tại thế, Phật là Đấng Đạo Sư của chúng ta, sau khi Phật nhập Niết bàn, chúng ta nên tôn ai làm thầy? Chúng ta nên tiến cử ai làm lãnh tụ Tăng đoàn, một người đại biểu của Tăng già mà mọi người phải tuân thủ?

A Nan đáp rằng: Ô! Thầy nói điều này cũng rất quan trọng, đó là điều thứ ba, còn có điều gì nữa không?

A Na Luật Tôn giả bảo: Điều thứ tư là lúc Đức Phật còn tại thế, có một số Tỷ kheo tha hóa, phạm giới gọi là 'ác tính Tỷ kheo' thì Đức Phật có thể chế phục và giáo huấn được. Sau này Đức Phật đã nhập diệt thì các 'ác tính Tỷ Kheo' này làm sao có biện pháp nghiêm trị?

A Nan đáp: À! Điều này cũng rất quan trọng, còn có vấn đề gì nữa không?

A Na Luật nói: Không còn nữa! Những vấn đề tôi muốn đề cập tôi đã nói hết. Còn chính thầy còn thắc mắc vấn đề gì nữa không? Tự thầy nghĩ lại xem!

A Nan đáp: Chính tôi cũng không còn vấn đề gì, bốn điều này đã đủ rồi!

Vì thế Tôn giả A Nan vội vàng đến chỗ Đức Phật mà thỉnh vấn:

Bạch Đức Thế Tôn! Ngài đã sắp nhập Niết bàn, bây giờ chúng con có mấy vấn đề thắc mắc, kính xin Đức Phật từ bi chỉ giáo.

Đức Phật bảo: Vấn đề gì, ông cứ trình bày ra!

A Nan liền bạch Phật: Bạch Đức Thế Tôn! Lúc Ngài tại thế, Ngài có thể giáo

hóa được hạng ‘ác tính Tỳ kheo’, còn sau khi Ngài diệt độ rồi thì làm sao có thể hoá cải được họ. Dạ! Đây là điều thứ tư lẽ ra con không nên hỏi trước, nhưng cũng có thể làm điều thứ nhất để tham vấn Ngài.

Đức Phật đáp rằng: Ác tính Tỳ kheo làm sao chế phục ư?

Các Ngài phải dùng pháp ‘Mặc tản’ để bắt đầu hoá đổi họ.

Sao gọi là mặc? Mặc là im lặng, không có giảng giải gì thêm với họ. Tản là gì? Nghĩa là mọi người phải nên cho họ biết lập, mọi người không được trao đổi, quan hệ gì với họ. Hãy dùng sự ‘im lặng sấm sét’ của Đại chúng để giải hóa họ? Lời nói không lời ấy sẽ làm cho họ có một sức nén để bưng tỉnh! Điều này Đức Phật có dạy rõ trong Giới luật.

Đức Phật bảo: Còn có thắc mắc gì nữa không, ông cứ nói ra.

A Nan liền bạch: Bạch Đức Thế Tôn! Lúc Ngài còn tại thế. Ngài là Đấng Đạo Sư của chúng con, vậy sau khi Ngài diệt độ, chúng con phải tôn ai làm thầy? Chúng con có phải tìm một vị thầy nào khác để thọ giáo không?

Đức Phật bảo: Không phải vậy! Sau khi

ta diệt độ, các ông hãy lấy ‘Giới luật’ làm thầy, lấy Ba La Đề Mộc Xoa làm thầy của các ông. Phàm là Tỳ kheo phải nghiêm trì Giới luật, lấy Giới luật làm thầy!

A Nan lại bạch Phật: Bạch Đức Thế Tôn! Lúc Ngài còn tại thế, chúng con được hầu cận bên Ngài, vậy sau khi Ngài diệt độ chúng con biết dời đến trú xứ nào mà cư trú?

Đức Phật dạy: Sau khi Ta diệt độ, các ông hãy y theo ‘Tứ Niệm Xứ’ mà an trú. Tứ Niệm Xứ như ta đã từng dạy, các ông phải dùng ‘bốn loại quán’ này để an trú, ngõ hầu tiến xa trên lộ trình đạo nghiệp.

A Nan bạch Đức Phật tiếp: Con còn có vấn đề này nữa, vấn đề này rất trọng yếu hơn các vấn đề trước.

Đức Phật bảo: Vấn đề gì nữa, ông cứ nói ra.

A Nan liền bạch Phật. Bạch Đức Thế Tôn! Tất cả những lời dạy của Ngài được tuyên thuyết trong đời này. Sau khi Ngài nhập diệt, chúng con phải kiết tập Kinh điển, lúc biên tập chúng con nên dùng chữ gì để mở đầu các Kinh điển, xin Ngài Di giáo.

Đức Phật liền dạy: Vấn đề này cơ?

Ông nên dùng bốn chữ ‘Như Thị Ngã Văn’ để làm sự mở đầu cho các Kinh điển.

Vì vậy, nên tất cả các Kinh Phật hiện giờ đều mở đầu bằng ‘Như Thị Ngã Văn’. Nghĩa là tất cả những Kinh pháp này là đích thân A Nan tôi tận tai nghe Đức Phật tuyên thuyết. Tất nhiên Tôn giả A Nan là ‘Đa văn đệ nhất’ nên Đức Phật đã mật ý phó chúc cho A Nan ‘tái phát



âm'. Vì Tôn giả A Nan có một công năng kỳ lạ mà không ai có: Đó là một điều nghe qua đều nhớ rõ mồn một, gọi là 'quá nhĩ bất vong', không bao giờ quên sót.

Bốn chữ 'Như Thị Ngã Văn' này có 3 ý nghĩa.

Thứ nhất là khác với ngoại đạo.

Thứ hai tránh tranh luận.

Thứ ba là đoạn lòng nghi.

Thứ nhất là khác ngoại đạo: Sao gọi là khác ngoại đạo? Vì tất cả những kinh điển của ngoại đạo, một khi mở đầu thường dùng hai chữ A [] và ÚM []. A nghĩa là 'Vô'. Úm nghĩa là hữu, mở đầu liền nói 'Vô hữu' hoặc 'hữu vô'. Ngoại đạo có kiến giải rằng, tất cả vạn hữu có hai đạo lý, một là 'hữu' và một là 'vô'.

'Hữu' có nghĩa là chấp thường.

'Vô' nghĩa là đã chấp đoạn.

Nói như vậy thì bất kể cái gì, không phải là 'vô' thì nghĩa là 'hữu' mà không phải là 'hữu' thì là 'vô'. Nói tóm lại là không thể chấp nhận hai phạm trù 'hữu vô' này cũng tức là không thể đưa ra hai kiến giải một đằng là 'đoạn kiến', một đằng là 'thường kiến'

Ở đây nói 'Như Thị Ngã Văn' này cũng không phải chấp đoạn, cũng chẳng phải chấp thường, cũng không phải là 'hữu' chẳng khẳng quyết là 'vô'. Đó là sự khác nhau với kiến giải ngoại đạo là ở chỗ này vậy.

Thứ hai là tránh tranh luận.

Lúc ấy, Tôn giả A Nan chỉ mới chứng Nhị quả Tư Đà Hàm, tuy về sau lúc kết tập Kinh Tạng A Nan đã chứng được Tứ

quả A La Hán, nhưng cũng là một vị A La Hán rất nhỏ tuổi. Trong lúc các vị như Đại Ca Diếp, Tu Bồ Đề đều là các vị trưởng thượng, tuổi cao tác lớn, lập tuệ cao thâm, đức độ tròn đầy. Vì A Nan là người tuổi còn trẻ như thế, nên lúc thăng tòa kết tập Kinh Tạng, thì sợ trong đại chúng có người tranh chấp. Bạn cũng muốn là đệ nhất, tôi cũng muốn là đệ nhất, nhưng vì 'đệ nhất' chỉ có một người, không thể có nhiều người. Vậy thì nhiều vị A La Hán như thế sẽ tiến cử vị nào? Cho người tuổi lớn thì sợ người tuổi nhỏ không cảm phục, chọn người tuổi nhỏ thì người tuổi lớn không bằng lòng, chọn người trung niên thì cũng chẳng biết chọn ai là hay nhất? Cho nên sẽ không có cách nào sẽ xử lý được sự kiện này, nếu như Đức Thế Tôn không Di huấn lại.

Như thế nên dùng bốn chữ 'Như Thị Ngã Văn' nghĩa là điều ấy không phải là ý bạn, cũng chẳng phải là ý tôi mà cũng chẳng phải ý của bất cứ một ai cả. Đó là tất cả những điều mà Đấng Đạo Sư tuyên thuyết, nay được kết tập mà không một ai có quyền 'can gián' vào đó. Bạn cũng không phải là đệ nhất, tôi cũng không phải là đệ nhất, không có đệ nhất nên mọi người không có sự tranh chấp gì cả.

Thứ ba là đoạn các nghi.

Bốn chữ 'Như Thị Ngã Văn' này là được Đức Phật phó thác Di huấn lại. Cũng có nghĩa là những điều sau này được chép lại trong Kinh điển là điều 'chắc thật'. Đức Thế Tôn Di huấn là bốn chữ 'Như Thị Ngã Văn', trong mật ý là Đức Phật đã tin chắc và xác quyết lại một lần nữa, là những

Kinh điển sau này được Tôn giả A Nan ‘tái thuyết’ thì đều là sự thật. Vì Bảo Tạng Kinh trong ‘Tạng thức ký ức’ của A Nan cũng là Bảo Tạng Kinh mà Đức Thế Tôn đã từng tuyên thuyết.

Vì thế bốn chữ này cũng là đại biểu cho ‘Kim khẩu’ của Đức Phật, nên trong Tăng đoàn và chúng sanh về sau không ai còn có thể thắc mắc, hay nghi hoặc những điều trong Kinh Tạng nữa.

‘N hư Thị’ là tín thành tựu.

‘Ngã Văn’ là văn thành tựu.

‘Nhất thời’ là thời thành tựu.

‘**Thích Ca Mâu Ni Phật**’ là chủ thành tựu.

‘**Tại Phổ Đà Lạc Già Sơn**’ là xứ thành tựu.

‘Lục thành tựu’ này là một sự ‘xác quyết chắc thật’ về những gì xung quanh một Pháp Hội mà Đức Thế Tôn đã từng thuyết pháp.

‘**Phổ Đà Lạc Già**’ là tiếng Phạm. Trung văn dịch là ‘Tiểu Bạch Hoa’, vì trên núi này có nở một loại hoa Tiểu Bạch nên gọi núi này là Tiểu Bạch Hoa Sơn hay còn gọi là Phổ Đà Lạc Già Sơn.

‘**Quán Thế Âm Bồ Tát cung điện**’, đó là cung điện thị hiện của Đức Quán Thế Âm.

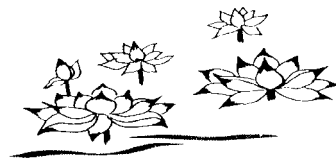
‘**Bảo Trang Nghiêm Đạo Tràng Trung**’: Là ở trong đạo tràng này đều làm bằng thất bảo rất trang nghiêm. Chính trong đạo tràng này Đức Thế Tôn ngồi trên bảo tòa Sư tử để giảng thuyết pháp.

(còn tiếp)

Kinh Sách Bằng Ấn Tống

- **Khai Thị 1, 2, 3:** Những bài Pháp thoại của HT Tuyên Hóa
 - **Hoa Sen Ngày Xuân:** Ngũ Lục của Hòa Thượng Tuyên Hóa
 - **Cẩm Nang Tu Đạo:** Ngũ Lục của Hòa Thượng Quảng Khâm
 - **Kinh A Di Đà** do Hòa Thượng Tuyên Hóa lược giảng.
 - **Chương Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông** do Cố Lão Hòa Thượng lược giảng.
 - **Pháp Ngữ:** ngữ lục hay những lời khai thị của Cố Lão Hòa Thượng.
- Băng đọc Khai Thị 1 (gồm 6 cuốn)
 - Băng đọc Khai Thị 2 (gồm 6 cuốn).
 - Băng đọc "Khai Thị 3" (gồm 5 cuốn).
 - Băng đọc "Pháp Ngữ" (gồm 4 cuốn).
 - Băng đọc "Kinh A Di Đà do HT Tuyên Hóa lược giảng." (gồm 4 cuốn).
 - Băng đọc "Chương Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Lược Giảng" (1 cuốn).
 - Băng đọc "cẩm nang tu đạo" (gồm 3 cuốn).

Nếu quý Phật tử muốn thỉnh kinh sách và băng đọc xin thư về Vạn Phật Thánh Thành hay email: bodehai@hotmail.com



Lục Tổ Pháp Bảo Đàn Kinh

HT Tuyên Hóa thiền giảng

Tên của bộ Kinh này là “Lục Tổ Pháp Bảo Đàn Kinh”, tên riêng là “Lục Tổ Pháp Bảo Đàn”. “Kinh” là tên chung của các bộ Kinh. Kinh Phật lập đề thường dùng 7 loại để phân biệt : tức Đơn Nhân, Đơn Pháp, Đơn Dụ, Nhân Pháp, Nhân dụ, Pháp dụ, Nhân Pháp dụ. Như “Kinh Phật thuyết A Di Đà” là đơn nhân lập đề, vì Đức Phật và Phật A Di Đà là người, là người tu hành thành Phật. Người chính là Phật, Phật chính là người, vì thế người Trung Quốc viết chữ Phật có bộ nhân bên cạnh. Đơn pháp lập đề như “Kinh Bát nhã”, “Kinh Niết Bàn”. Niết bàn là pháp, Niết bàn bất sanh bất diệt. Đơn dụ lập đề như “Phật Thuyết Phạm Võng Kinh”, nếu nghiêm trì giới luật thì có thể sanh ra quang minh, như châu báu của cõi Đại Phạm Thiên. Nếu phạm giới phá giới, biết pháp phạm pháp thì có chỗ hữu lậu, hữu lậu tất đi đến tam ác đạo : địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, nơi đó tuyệt không có tình người. Pháp dụ lập đề như “Kinh Diệu Pháp Liên Hoa”, Diệu pháp là pháp, Liên hoa là dụ. Nhân dụ lập đề giống như “Như Lai Sư Tử Hống”, Như Lai là người, Sư tử là dụ, Phật thuyết pháp như Sư tử Hống. Nhân pháp lập đề như “Văn Thù Ván Bát Nhã Kinh”. Đây đủ Nhân Pháp dụ lập đề như “Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh”, Đại Phương Quảng là Pháp, Phật là người, Hoa Nghiêm là

dụ.

Nhưng quyển “Lục Tổ Pháp Bảo Đàn Kinh” là Kinh Trung Quốc, không phải Kinh Ấn Độ, cho nên ngoài 7 loại lập đề ra, còn nhiều hơn một loại. Lục Tổ là người, Pháp bảo là pháp, Đàn là xứ sở, vì thế quyển Kinh này là Nhân Pháp Xứ lập đề, không thể giảng theo 7 loại lập đề kể trên.

Ngôi vị Lục Tổ không phải dễ thừa kế, đảm trách. Vì sao vậy ? Vì có rất nhiều người muốn giết Ngài. Ngay cả đệ tử của Ngài là Chí Triệt cũng tìm cách giết hại Ngài. Vì thế Đại sư sau khi đắc pháp đã tỵ nạn 16 năm trong nhóm thợ săn. Thậm chí sau khi kiến lập Pháp đàn tại Nam Hoa Tự, vẫn còn có ngoại đạo công khai muốn giết Ngài. Cho nên Đại sư chạy lên trên núi ẩn trong núi đá tọa thiền, hòn đá mà Đại sư tỵ nạn, đến nay vẫn còn thấy ở Nam Hoa Tự.

Lục Tổ Đại sư từ đâu mà có danh hàm Lục Tổ? Điều này bắt đầu từ Ngài Bồ Đề Đạt Ma. Bồ Đề có nghĩa là Giác, Đạt Ma có nghĩa là Pháp. Ngài Bồ Đề Đạt Ma là Tổ thứ 28 tại Ấn Độ, nhưng tại sao Ngài không ở Ấn Độ làm Tổ mà đi đến Trung Quốc làm gì ? Vì xưa kia Phật đã thọ ký : Đến đời thứ 28, Đại thừa Phật pháp sẽ truyền đến Trung Quốc. Do nhân duyên như thế, Ngài Bồ Đề Đạt Ma ngồi

thuyền đến Trung Quốc truyền đạo. Nhưng lúc đó Phật pháp tại Trung Quốc, dường như có dường như không, vì Phật pháp đương thời chỉ làm công tác bên ngoài như tụng kinh, nghiên cứu kinh điển, giảng kinh v.v..., ngay cả việc bán sấm cũng không có. Đương thời các học giả đều cho rằng Phật giáo như là một loại học vấn để nghiên cứu thảo luận.

Các đạo lý mà Phật giáo nói đến, nên y theo đó mà tu hành. Nhưng thời đại Nam Bắc triều của Trung Quốc lúc đó không có người nào chân chánh tu hành ngời thiên, vì sợ khổ. Hiện nay tình hình Mỹ quốc cũng giống như vậy. Ngồi một chút chân đau bèn duỗi chân, nghiêng nghiêng lắc lắc, xoa bóp một hồi. Người dù sao cũng là người ! đều sợ khổ.

Trước khi Tổ Sư Đạt Ma đến Trung Quốc, Ngài có phái 2 người đệ tử là Phật Đà và Da Xá đến Trung Quốc truyền pháp môn đốn ngộ, tức là Thiên tông. Ai ngờ 2 Ngài đến Trung Quốc lại gặp phải cảnh trái ý nghịch lòng, tất cả các Tăng sĩ thời đó đều không xem trọng 2 Ngài. Sau đó đến Lô Sơn gặp Đại sư Huệ Viễn, Ngài Huệ Viễn chuyên giảng về pháp môn niệm Phật. Đại sư Huệ Viễn hỏi :

- Hai vị là các Tăng sĩ Ấn Độ, truyền pháp môn gì ? Tại sao không có ai theo học pháp môn của các vị ?

Ngài Phật Đà và Da Xá chỉ biết nói rất ít tiếng Trung Quốc, bèn đưa tay ra nói :

- Nhìn đây ! bàn tay nắm vào và gỡ ra, nhanh không ?

- Rất nhanh.

- Bồ đề phiền não cũng nhanh giống như vậy.

Đại sư Huệ Viễn lập tức khai ngộ, nguyên

lai Bồ đề và phiền não không có gì sai khác. Bồ đề tức phiền não, phiền não tức là Bồ đề ! Ngài Huệ Viễn sau khi khai ngộ, rất cung kính cung dưỡng Ngài Phật Đà và Da Xá. Nhưng 2 bậc cao Tăng Ấn Độ này cùng vãng sanh trong một ngày. Phần mộ của 2 Ngài đến nay vẫn còn ở Lư Sơn.

Tổ Sư Đạt Ma nhìn thấy căn tánh Đại thừa ở Trung Quốc đã chín muồi, bèn không ngại đường xá xa xôi, gian khổ đem Phật pháp Đại thừa đến Trung Quốc. Nhưng lúc đó vì ngôn ngữ không thông, người Trung Quốc gọi Ngài là “Ma la sát”. Trẻ con nhìn thấy gương mặt Ngài với bộ râu dài đều hoảng sợ chạy mất. Người ta cho rằng Ngài đến để bắt trẻ con vì thế không cho trẻ con đến gần Ngài.

Sau đó Tổ Sư Đạt Ma đến Nam Kinh nghe Pháp sư Thần Quang giảng Kinh, nhìn thấy cảnh giới thù thắng : trời rải hoa cúng dường, đất hiện ra hoa sen vàng. Cảnh giới này chỉ có người đã đắc ngũ nhãn lục thông mới thấy được. Sau khi giảng Kinh xong, là đến phần thỉnh pháp, hỏi pháp, Tổ Sư Đạt Ma hỏi :

- Pháp sư ! Ông ở đây làm gì ?

Thần Quang trả lời :

- Tôi ở đây giảng Kinh.

- Ông giảng Kinh làm gì ?

- Tôi giảng Kinh, đưa người liễu ngộ sinh tử.

- Làm sao có thể liễu ngộ được sanh tử ? Kinh mà ông giảng đều là giấy trắng mực đen, ông dùng cái gì mà có thể giúp người liễu đoạn sanh tử ?

Thần Quang bị hỏi không có cách nào trả lời, vì thế xấu hổ mà tức giận. Tuy Pháp sư Thần Quang giảng Kinh được Chư thiên rải hoa

cúng dường nhưng vẫn còn tính sân si. Vì thế tôi nói Phật pháp đương thời dường như có dường như không. Pháp sư Thần Quang tức giận liền cầm lấy râu chuỗi niệm Phật làm bằng sắt (Pháp sư tức giận không phải là chuyện tầm thường, giống như hồng thủy, giống như trời long đất lở) nói :

- Ông dám hủy báng pháp !

Nói xong liền dùng râu chuỗi niệm Phật đánh vào mặt Đạt Ma. Tổ Sư Đạt Ma tuy biết võ thuật, nhưng không ngờ Thần Quang lợi hại như thế, nói không lại liền động võ, kết quả bị đánh gãy hai cái răng. Nghe nói, răng của bậc Thánh nếu bị đánh gãy, nhổ ở chỗ nào thì chỗ đó bị hạn hán 3 năm. Đạt Ma nghĩ thầm : “Ba năm không mưa, chết đói biết bao nhiêu người. Ta đến Trung Quốc là muốn độ chúng sanh, không phải là giết hại chúng sanh”, vì thế Ngài nuốt 2 cái răng vào trong bụng, không nói một lời liền bỏ đi.

Vì Ngài là người xuất gia, lại là bậc Tổ Sư, cho nên đã nhẫn nhục được những việc như vậy. Trên đường đi gặp một con chim Anh Vũ bị nhốt trong lồng. Chim Anh Vũ còn thông minh hơn Thần Quang vì biết Bồ Đề Đạt Ma là một vị Tổ Sư, nên thưa với Ngài rằng :

- Tây lại ý, Tây lại ý, thỉnh Ngài dạy cho chúng con cách thoát ra khỏi lồng.

Đạt Ma đến Trung Quốc chưa gặp phải tri âm, nhưng chim Anh Vũ này lại là tri âm của Ngài. Nghe đôi chim thỉnh giáo mình như vậy, Đạt Ma rất vui vẻ dạy cho chúng một bí quyết: “Muốn thoát khỏi lồng, hai chân duỗi thẳng, đôi mắt nhắm nghiền, đây là diệu kế, giúp con thoát lồng”.

Anh Vũ sau khi hiểu được phương pháp thoát lồng, bèn thưa : “Nay con đã hiểu rồi,

cám ơn Ngài chỉ dạy”. Anh Vũ nhìn thấy người chủ từ xa trở về, đợi người chủ đến gần, nó liền sử dụng phương pháp đó. Mỗi ngày người chủ trở về đều đến chơi với Anh vũ yêu quý để tiêu sầu giải muộn, nay nhìn thấy con chim yêu quý nằm bất động trong lồng liền rất lo lắng, bèn mở cửa lồng đem Anh vũ ra để nơi lòng bàn tay. Ô ! thân chim vẫn còn nóng, vì chim giả chết nên khí nóng vẫn còn. Người chủ vừa mở nắm tay ra Anh Vũ liền bay đi ! Kế xuất lồng thật hiệu nghiệm.

Chúng ta hiện nay vẫn còn ở trong lồng, đừng nên cho rằng mình đang tự do. Muốn ăn thì ăn, muốn uống thì uống, không giữ gìn quy củ cho là tự do. Điều này thật là hồ đồ, đã hiểu lầm tự do một cách sai lầm. Tự do chân chánh là sanh tử tự do, muốn bay lên trời, muốn độn thổ xuống đất, có được những bản lĩnh như thế mới gọi là tự do chân chánh.

Giảng về “Lục Tổ Đàn Kinh”, tôi vốn giảng không hay, nhưng mà dám giảng. Có người giảng rất hay nhưng không giảng. Tôi giảng không hay nhưng thử giảng lần đầu tiên, sau này những người giảng hay nương theo đó mà giảng tiếp. Sau này quý vị trí tuệ rộng mở có thể giảng hay hơn tôi nữa. Giảng hay là từ cái giảng không hay phát huy thêm.

Pháp sư Thần Quang đánh gãy hai cái răng của Hòa thượng mặt đen, nhìn thấy Hòa thượng Ấn Độ không có phản ứng, bèn cho rằng mình thắng. Nhưng không lâu sau đó quý vô thường đến gặp Pháp sư nói :

- Pháp sư, hôm nay mạng sống của ông đã hết. Vua Diêm La sai tôi đến mời ông đi.

- Tôi mà cũng phải chết à ? Tôi giảng Kinh được trời rải hoa cúng dường, đất hiện ra hoa sen vàng mà còn không thể liễu đoạn sanh tử

thì thế gian này còn có ai có thể liễu đoạn sanh tử ?

- Có. Chính là Ngài Hòa thượng mặt đen bị ông đánh gãy 2 cái răng. Diêm Vương không những không quản được số mạng của Ngài mà mỗi ngày còn phải hướng về Ngài khấu đầu đánh lễ.

- Quý đại ca ! bạn có thể chờ tôi một chút được không ? Xin thay tôi nói với Diêm Vương một tiếng, xin cho tôi một thời gian ngắn, cho tôi đi học pháp môn liễu đoạn sanh tử của Ngài Hòa thượng mặt đen.

- Nếu ông thiệt có thành ý thì việc này không phải không có thể linh hoạt giải quyết.

Thần Quang nghe nói rất vui mừng, không kịp mang dép, chân đất đuổi theo Ngài Đạt Ma. Trên đường gặp đôi chim Anh Vũ đã được Ngài Đạt Ma giúp cho thoát khỏi lồng. Anh Vũ nói cho Thần Quang biết Ngài Đạt Ma đã giúp chúng nó như thế nào. Thần Quang đi theo sau lưng Ngài Đạt Ma, nhưng Ngài Đạt Ma không để ý đến. Thần Quang đi theo cho đến núi Hùng Nhĩ ở Lạc Dương (Chùa Thiếu Lâm, Tung Sơn, Hà Nam). Tổ Sư Đạt Ma ở đó diện bích tọa thiền, Ngài ngồi suốt chín năm, Thần Quang cũng quỳ đủ chín năm. Lúc trước khi tôi giảng đến công án này, có một đứa bé 11 tuổi nghe rồi rất cao hứng liền hỏi : “Thần Quang quỳ suốt 9 năm, vậy có ăn cơm không ?” Tôi trả lời : “9 năm không ăn cơm làm sao có thể sống được ? Chính là lúc Tổ Sư Đạt Ma ăn cơm thì Thần Quang cũng ăn cơm, Đạt Ma ngồi thiền thì Thần Quang quỳ đó, nhưng mà trong sách thì không có ghi việc này”.

Trong thời gian 9 năm diện bích của Đạt Ma rất có nhiều người đến Quy y lễ Ngài làm Thầy.

Thần Quang quỳ suốt 9 năm, một ngày kia tuyết lớn, tuyết phủ đến lưng. Đạt Ma nói :

- Tuyết lớn như vậy ông quỳ đó làm gì ?

Thần Quang trả lời :

- Bạch Tổ Sư, con muốn liễu đoạn sanh tử. Lúc trước con giảng Kinh không thể liễu đoạn sanh tử, nay kính xin Tổ Sư truyền dạy cho con pháp môn liễu đoạn sanh tử.

- Người nhìn, ngoài trời hiện nay là cái gì ?

- Bạch Tổ Sư, ngoài trời đầy tuyết.

- Tuyết có màu gì ?

- Bạch Tổ Sư, tuyết màu trắng.

- Người đợi đến lúc nào tuyết màu hồng lúc đó ta sẽ truyền dạy pháp môn liễu đoạn sanh tử cho người. Nếu trời không rơi tuyết màu hồng thì người đừng có hy vọng ta truyền dạy cho người. Người là một kẻ xuất gia hung ác như vậy, dùng râu chuốt niệm Phật bằng sắt đánh gãy 2 cái răng của ta, ta không báo thù cũng là từ bi lắm rồi, làm sao có thể truyền pháp cho người được ?

Đạt Ma đưa ra vấn đề nan giải như vậy để thử thách Thần Quang, nhưng Thần Quang đã giải quyết được. Thần Quang nhìn thấy trên tường có một thanh giới đao của người tu đạo, dự bị lúc phạm giới thì đem đao chặt đứt đầu mình chớ không để phạm đến giới thể. Thần Quang liền lấy thanh đao đó xuống chặt đứt cánh tay, máu rơi đầy mặt đất đã làm tuyết trắng biến thành tuyết đỏ. Thần Quang liền bụm lấy một nắm tuyết đỏ đem dâng đến trước mặt Ngài Đạt Ma và nói :

- Bạch Tổ Sư, Ngài xem, đây chính thật là tuyết đỏ.

Điều này vốn đã ở trong dự liệu, chỉ vì muốn thử thách chân tâm của Thần Quang, Đạt

Ma mới đưa vấn đề thử thách này ra. Vì thế Đạt Ma rất hoan hỷ nói :

- Ta đến Trung Quốc thật không có uổng công, gặp phải người là người chân thành cầu pháp tu hành như vậy, ngay cánh tay của chính mình cũng bỏ đi để cầu pháp, quả là có tâm thành.

Sau đó Ngài Đạt Ma mới đem pháp môn dĩ tâm ấn tâm, trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật truyền cho Thần Quang. Sau khi Ngài Đạt Ma giảng xong pháp môn, Thần Quang liền sanh tâm phân biệt nói :

- Con chặt đứt cánh tay, rất đau nhức, tâm cũng rất nhức nhối, xin Tổ Sư an tâm cho con.

- Đem tâm của ông ra đây ta mới có thể giúp ông an tâm.

Thần Quang bèn đi tìm tâm của mình, Đông Tây Nam Bắc, tứ duy thượng hạ, tìm hoài không thấy tâm của mình. Thần Quang nói :

- Con tìm không ra.

- Ta đã an tâm cho ông rồi.

Thần Quang lập tức hoá nhiên đại ngộ. Vì thế Thần Quang nói :

- Vạn pháp quy nhất, nhất quy hà xứ ? Thần Quang bắt mình cắn Đạt Ma, Hùng Nhĩ sơn tiền quy cửu tái, chỉ cầu nhất điểm đóa Diêm Vương.

Vạn pháp quy nhất, vậy nhất quy về đâu ? Thần Quang không rõ nghĩa lý của chữ “hợp”, vì thế đuổi theo Đạt Ma, tại núi Hùng Nhĩ quỳ suốt 9 năm, chỉ cầu Tổ Sư Đạt Ma chỉ điểm cách liễu đoạn sanh tử, thoát khỏi Diêm Vương.

Thần Quang sau khi được Tổ Sư Đạt Ma truyền pháp, liền đổi tên là Huệ Khả, tức trí

huệ đã đầy đủ, thiện căn viên mãn. Đại sư Huệ Khả hỏi Tổ Sư Đạt Ma :

- Bạch Tổ Sư, ở Ấn Độ Ngài có đồ đệ truyền pháp chưa ? Ở Ấn Độ truyền pháp có đem ca sa y bát truyền cho đồ đệ để làm y cứ hay không ?

- Không có, ở Ấn Độ ta truyền pháp không có đem ca sa y bát làm vật y cứ, vì tâm người Ấn Độ rất thẳng thắn, tu hành đắc đạo liền nói đắc đạo, chỉ cần có người chứng minh đắc đạo là đủ. Nếu chưa được chứng minh, họ sẽ không nói là : tôi đã đắc đạo chứng quả, tôi đã chứng A La Hán, hoặc tôi đã là Bồ tát. Người Trung Quốc không giống như vậy. Ở Trung Quốc, người có căn tánh Đại thừa cũng rất nhiều, nhưng người nói vọng ngữ cũng không ít, tu hành chưa thành tựu đạo nghiệp mà khoe khoang đã thành ; chưa chứng quả cũng tự nói đã chứng quả, vì thế cần phải dùng ca sa y bát để chứng minh. Cho nên nay ta truyền ca sa y bát cho ông, ông nên cẩn thận giữ gìn.

Tổ Sư Đạt Ma đến Trung Quốc, từng bị đầu độc 6 lần, vì đương thời Bắc Ngụy có 2 vị Pháp sư muốn hại Ngài, một vị là Bồ Đề Lưu Chi, một vị là Luật sư Quang Thống. Họ rất đố kỵ Ngài, đã làm ra vài món đồ chay, trong đó có chất độc cực mạnh đem đến cúng dường cho Ngài. Đạt Ma biết trong thức ăn có độc nhưng vẫn ăn một cách bình thường. Ăn xong kêu người đem một cái hộp lại, mửa vào trong đó một đồng rấn, thì ra chất độc đã biến thành rấn. Bồ Đề Lưu Chi thấy độc không thể giết được Đạt Ma, không hiểu vì duyên cớ gì. Vì thế lần thứ hai bỏ liều lượng thuốc độc gấp đôi. Đạt Ma cũng ung dung thọ dụng, ăn xong liền ngồi tại một hòn đá lớn, phun thuốc độc ra, sức mạnh của thuốc độc đã làm bể tan hòn

đá. Sau đó liên tiếp thêm 4 lần hạ độc đều không thể hại được Đạt Ma.

Một ngày Tổ Sư Đạt Ma nói với Đại sư Huệ Khả rằng :

- Ta đến Trung Quốc, để độ chúng sanh có căn tánh Đại thừa. Nay ta đã truyền pháp, đã có người kế thừa, giờ viên tịch cũng đã đến.

Sau khi Tổ Sư Đạt Ma viên tịch, chúng đệ tử dùng quan tài bọc xác Ngài đem chôn. Nhưng lúc ấy, Bắc Ngụy có một sứ quan tên là Tống Vân, tại vùng Thông Lĩnh, trên đường đi gặp Tổ Sư Đạt Ma. Tổ Sư Đạt Ma cầm chiếc dép nói với Tống Vân rằng :

- Quốc Vương nước ông hôm nay băng hà, ông nên mau mau trở về.

Tống Vân hỏi :

- Đại sư, Ngài đi đâu ?

- Ta trở về Ấn Độ.

- Đại sư, Ngài đã truyền pháp cho ai ?

- Bốn mươi năm sau tại Trung Quốc.

Sau đó Tống Vân trở về đến Bắc Ngụy đem việc này kể cho mọi người nghe, nhưng không ai tin lời nói của Tống Vân. Vì thế mọi người mới quật mồ của Tổ Sư Đạt Ma ra xem, trong quan tài chỉ còn chiếc dép, ngoài ra không có cái gì khác. Như vậy Tổ Sư Đạt Ma đi đâu ? Mọi người cũng không ai biết, sợ rằng hôm nay đã đến Mỹ quốc không biết chừng, vì Ngài có thể thiên biến vạn hóa, cho nên không có ai có thể nhận ra được Ngài. Khi Ngài đến Trung Quốc Ngài nói Ngài đã 150 tuổi, nhưng lúc Ngài ra đi vẫn là 150 tuổi, lịch sử cũng không có cách nào khảo chứng.

Lúc Ngài Đạt Ma sắp viên tịch, nói :

- Ta đến Trung Quốc truyền pháp cho 3 người, Đại sư Huệ Khả được phần tủy, Thiên sư Đạo Dục được phần xương, Tỳ kheo ni Đạo Tế (tức Tỳ kheo ni Tống Trì) được phần thịt.

Tỳ kheo ni Đạo Tế thường trì tụng Kinh Pháp Hoa, sau khi viên tịch từ trong miệng nở ra đóa hoa sen màu xanh. Vì Tổ Sư Đạt Ma đã đem thân thể của Ngài mà phân chia cho các người khác, cho nên ở Mỹ quốc quý vị không thể tìm ra được Ngài.

(còn tiếp)





Thất và Pháp Hội Vạn Phật Thành 2001

Quán Âm Thất:

Bảy ngày chuyên tu trì niệm hồng danh đức Quán Thế Âm Bồ Tát:

Tháng 8: từ ngày 5 đến 11

Lễ đức Quán Thế Âm Bồ Tát Thành Đạo sẽ cử hành vào chủ nhật ngày 5 tháng 8, ngày cuối của Thất.

Tháng 10: từ ngày 28 đến ngày 3/11

Lễ vía đức Quán Thế Âm Bồ Tát Xuất Gia sẽ cử hành vào chủ nhật ngày 28 tháng 10.

Địa Tạng Thất:

Từ chủ nhật ngày 16 đến ngày 22 tháng 9, bảy ngày trì tụng Kinh Địa Tạng và hồng danh đức Địa Tạng Bồ Tát.

Lễ vía Đức Địa Tạng Bồ Tát sẽ cử hành vào chủ nhật ngày 16 tháng 9, ngày đầu tiên của Thất.

Lễ Vu Lan sẽ cử hành vào chủ nhật ngày 2/9.

Phật Thất:

Từ chủ nhật ngày 23 đến ngày 29 tháng 12, bảy ngày chuyên trì niệm hồng danh đức Phật A Di Đà.

Lễ vía đức Phật A Di Đà sẽ cử hành vào chủ nhật ngày 30 tháng 12.

Thiền Thất:

- Một tuần *thiền tập mùa hè* bắt đầu từ tối chủ nhật ngày 12 đến chủ

nhật ngày 19 tháng 8.

- Ba ngày *thiền tập vào Thanksgiving weekend* từ tối ngày 22 đến chủ nhật ngày 25 tháng 11.

- Ba tuần *thiền thất mùa đông* (ngay sau Phật thất) bắt đầu từ ngày 31 tháng 12 năm 2001 đến ngày 21 tháng 1 năm 2002.

Hoa Nghiêm Pháp Hội

Cũng như mọi năm, vào dịp lễ giỗ Cố Lão Hòa Thượng Vạn Phật Thành đều tổ chức 21 ngày Pháp Hội trì tụng Kinh Hoa Nghiêm. Kinh được tụng bằng ba thứ tiếng: Hoa, Anh, Việt ở ba Phật điện khác nhau. Năm nay, Pháp Hội bắt đầu từ ngày 8 đến ngày 26 tháng 6.

Lễ giỗ của Cố Lão Hòa Thượng sẽ cử hành vào thứ bảy ngày 30 tháng 6.

Lễ Sám Hối

Truyền thống Vạn Phật Thành, mỗi năm vào mùa xuân đều Lay *Vạn Phật Sám* theo nghi thức trong Kinh Vạn Phật. Năm nay, Sám Vạn Phật bắt đầu từ thứ năm ngày 5 đến chủ nhật ngày 29 tháng 4.

Lễ Phật Đản sẽ cử hành vào chủ nhật ngày 29 tháng 4 bắt đầu từ 8

giờ sáng.

Truyền Tại Gia Bồ Tát Giới và U Minh Giới:

Hàng năm Vạn Phật Thành đều có truyền Tại Gia Bồ Tát Giới và tổ chức khóa học Bồ Tát Giới.

Nếu quý Phật tử nguyện muốn thọ giới xin điền đơn ghi danh trước, nếu đủ điều kiện, chùa sẽ thông báo. Phật tử muốn thọ giới phải trường trai và phải tham dự khóa học giới. Khóa học giới tuy dành cho giới tử nhưng mọi người đều có thể dự thính. Xin liên lạc về chùa để lấy application form. Năm nay, khóa học bắt đầu từ ngày **25 đến ngày 28 tháng 5**, và lễ truyền giới sẽ cử hành vào sáng thứ hai ngày **28 tháng 5**.

Lễ Truyền U Minh Giới là lễ truyền 10 giới cho vong linh thân nhân quá cố. Lễ sẽ cử hành vào **chiều thứ hai ngày 28 tháng 5**.

Khóa tu và lễ Truyền Giới đều bằng ba ngôn ngữ Anh, Hoa, Việt. Năm ngoái có hơn 250 vị phát tâm thọ Tại Gia Bồ Tát Giới và 700 vị U Minh Giới. Nếu muốn thêm chi tiết xin liên lạc về Vạn Phật Thành.

Lăng Nghiêm Pháp Hội từ ngày 1 đến ngày 4 tháng 7 để kỷ niệm 25 năm thành lập Vạn Phật Thánh Thành.

Website của Vạn Phật Thánh Thành (cả 3 ngôn ngữ): **www.drba.org**

Hư Vân Hoà Thượng Họa Truyện

#25. Sống Đời Tịch Tĩnh Chốn Thâm Sơn

Suốt từ năm hai mươi tám đến ba mươi tuổi, Ngài Hư Vân ẩn thân nơi động đá, sống bằng cỏ núi rau rừng, không hề thọ dụng các thức ăn nấu chín của nhân gian. Ban đầu, Ngài thường thấy thảng cảnh



hiện ra, song không chấp trước vào cảnh, chỉ nhất tâm chánh quán niệm Phật. Lâu dần, Ngài cảm thấy thân thể nhẹ nhõm, tráng kiện, bước đi như bay, tai thính mắt tinh nhìn thấy tỏ tường từng đường tơ kẽ tóc. Hai mắt Ngài sáng quắc, khiến ai gặp cũng ngỡ Ngài là quý mị, hoảng sợ bỏ chạy mất.

Kệ tán của Hòa Thượng Tuyên Hóa:

Huyệt cư dã xứ nguyên thủy phong,
Thiếu dục tri túc vô sở tranh,
Bất ngữ quán tâm hà sanh trụ,
Tiêu dao Tam Giới nhậm tây đông.

Nghĩa là:

Hang sâu động vắng sống đơn sơ,
Biết đủ, không ham, chẳng tranh cầu,
Lặng thinh quán xét tâm sanh, trụ,
Tam Giới thanh nhàn đạo đó đây.

*Dharma Realm Buddhist Association
City of Ten Thousand Buddhas
P. O. Box 217
Talmage, CA 95481 - 0217, U. S. A.
Tel. (707) 462-0939 / Fax. (707) 462 - 0949
bodehai@hotmail.com*

Periodicals

To : _____

* Bồ Đề Hải phát hành mỗi 3 tháng. Mọi thư từ, góp ý hay thỉnh báo xin thư về Dharma Realm Buddhist Association (Vạn Phật Thành). Chi phiếu góp phần ấn tống, xin đề: DRBA/Vietnamese Account.